

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2023

*“V/v Tranh chấp nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Oanh Kiều;

2. Bà Phước Thị Kim Huê;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Thạch Thuôn, Thẩm phán sơ cấp, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã LNA, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Ông Lê Hoàng Phúc, Thẩm phán sơ cấp, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân xã LNA, huyện Trà Cú, xét xử công khai theo hình thức trực tiếp, kết hợp trực tuyến vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc *“Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cô Thị Thúy Ng, sinh ngày 29/8/1999. Địa chỉ: ấp V, xã LNA, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Long H, sinh ngày 29/10/2000. Địa chỉ: ấp CL, xã ĐA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2023, bản tự khai ngày 19/4/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Cô Thị Thúy Ng trình bày: Năm 2001 do quen biết trước nên chị với anh Lý Long H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau được hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng cùng lên Bình Dương tìm việc làm. Cuộc sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn lại. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được.

Với lý do nêu trên, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh Lý Long H là vợ chồng. Về con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ng trình bày có tài sản chung là một số vàng khi cưới nhưng không có yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 19/4/2023 và quá trình tố tụng bị đơn anh Lý Long H trình bày: Anh thống nhất như đơn khởi kiện của chị Cô Thị Thúy Ng về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu cuộc sống của hai vợ chồng rất hạnh phúc nhưng do có mâu thuẫn nên từ cuối năm 2022 hai bên đã sống ly thân cho đến nay, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay với yêu cầu ly hôn của vợ yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật

tổ tụng dân sự và các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cô Thị Thúy Ng với anh Lý Long H.

Về con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: có một số vàng khi cưới nhưng không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra cũng như kết quả xác minh, sự vắng mặt của bị đơn cùng với việc xem xét toàn diện vụ án và yêu cầu giải quyết của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án “*Tranh chấp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với đối với bị đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình được bà Phạm Thị Ng là mẹ ruột của chị Ng xác định chị Cô Thị Thúy Ng là con ruột, anh Lý Long H là con rể. Hai bên có tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2021 nhưng không có đăng ký kết hôn, hai vợ chồng sống chung với nhau gần một năm thì sống ly thân cho đến nay và hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình chung sống không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cô Thị Thúy Ng và anh Lý Long H tổ chức cưới vào năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ, chồng có mâu thuẫn cãi vã với nhau nên không có hạnh

phúc. Vì không thể chung sống hòa thuận với nhau nên anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, cả hai bên đều thống nhất. Trong quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau và không còn tình cảm với nhau nữa. Bị đơn anh Lý Long H cũng đồng ý theo đơn khởi kiện của chị Ng. Do anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ng và anh H.

Về con chung và nợ chung không có. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị Ng trình bày có một số vàng khi cưới nhưng chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Chị Cô Thị Thúy Ng phải chịu án phí theo quy định. Anh Lý Long H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cô Thị Thúy Ng với anh Lý Long H.

2. Về con chung và nợ chung không có. Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cô Thị Thúy Ng phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012835 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tấn